Trắc nghiệm
Môn Sinh Học – Lớp 9

TRẮC NGHIỆM SINH 9 BÀI 7 : BÀI TẬP CHƯƠNG I

Câu 1. **Menđen đã tiến hành việc lai phân tích bằng cách**
A. lai giữa hai cơ thể có kiểu hình trội với nhau.
B. lai giữa hai cơ thể thuần chủng khác nhau bởi một cặp tính trạng tương phản.
C. Lai giữa cơ thể đồng hợp với cá thể mang kiểu hình lặn
D. lai giữa cơ thể mang kiểu hình trội chưa biết kiểu gen với cơ thể mang kiểu hình lặn.

Câu 2. **Lai phân tích là:**
A. là phép lai giữa cá thể mang tính trạng lặn với cá thể mang tính trạng lặn
B. là phép lai giữa cá thể mang tính trạng trội có kiểu gen đồng hợp với cá thể mang tính trạng lặn
C. là phép lai giữa cá thể mang tính trạng trội có kiểu gen dị hợp với cá thể mang tính trạng lặn
D. là phép lai giữa cá thể mang tính trạng trội cần xác định kiểu gen với cá thể mang tính trạng lặn

Câu 3. **Muốn tiến hành phép lai phân tích người ta cho đối tượng nghiên cứu**
A. Lai với F1
B. Quan sát NST dưới kính hiển vi điện tử
C. Lai với cá thể đồng hợp lặn về tính trạng tương ứng
D. Lai trở lại với bố mẹ

Câu 4. **Phép lai ...(I)... là phép lai được sử dụng để nhằm kiểm tra ...(II)... của một cơ thể mang tính trội nào đó là thuần chủng hay không thuần chủng cách làm là cho cơ thể mang tính trội cần kiểm tra lai với cơ thể mang ...(III)... I, II, III lần lượt là:**
A. một cặp tính trạng, kiểu hình, kiểu gen không thuần chủng
B. phân tích, kiểu gen, tính trạng lặn
C. hai cặp tính trạng, các cặp tính trạng, kiểu gen thuần chủng
D. một cặp hoặc hai cặp tính trạng, nhân tố di truyền, tính trạng lặn và tính trạng trội

Câu 5. **Lai phân tích là phép lai:**
A. Thay đổi vai trò của bố mẹ trong qua trình lai dể phân tích vai trò của bố và mẹ trong quá trình di truyền các tính trạng
B. Giữa 1 cá thể mang kiểu gen đồng hợp trội với một cá thể mang kiểu gen đồng hợp lặn
C. Giữa 1 cá thể mang kiểu gen dị hợp với 1 cá thể mang kiểu gen đồng hợp lặn
D. Giữa 1 cá thể mang tính trạng trội với 1 cơ thể mang tính trạng lặn để kiểm tra kiểu gen

Câu 6. **Lai phân tích là phép lai:**
A. Giữa cá thể mang tính trạng trội với cá thể mang tính trạng lặn.
B. Giữa cá thể đồng hợp trội với cá thể đồng hợp lặn.
C. Giữa cá thể mang tính trạng trội cần xác định kiểu gen với cá thể mang tính trạng lặn.
D. Giữa cá thể dị hợp trội với cá thể mang tính trạng lặn.

Câu 7. **Phép lai phân tích là phép lai giữa những cá thể có kiểu hình nào với nhau:**
A. Trội với lặn.

B. Trội với trội.
C. Lặn với lặn
D. Cả A với C

Câu 8. **Phép lai giữa cá thể mang tính trạng trội chưa biết kiểu gen với cá thể mang tính trạng lặn là:**
A. Lai phân tích.
B. Tạo giống mới.
C. Tạo dòng thuần chủng.
D. Lai hữu tính

Câu 9. **Thế nào là lai phân tích:**
A. Là phép lai giữa các cá thể mang kiểu gen dị hợp.
B. Là phép lai giữa cá thể mang tính trạng trội cần xác định kiểu gen với cá thể mang tính trạng lặn.
C. Là phép lai giữa các cá thể mang tính trạng lặn.
D. Là phép lại giữa các cá thể mang tính trạng trội.

Câu 10. **Phép lai nào sau đây được thấy trong phép lai phân tích? I. Aa x aa; II. Aa x Aa; III. AA x aa; IV. AA x Aa; V. aa x aa.**
A. I, III, V
B. I, III
C. II, III
D. I, V

Câu 11. **Phép lai dưới đây được coi là lai phân tích:**
A. AA x AA
B. Aa x Aa
C. AA x Aa
D. Aa x aa

Câu 12. **Nếu cho lai phân tích cơ thể mang tính trội thuần chủng thì kết quả về kiểu hình ở con lai phân tích là:**
Nếu tính trội hoàn toàn thì cơ thể mang tính trội không thuần chủng lai phân tích cho kết quả kiểu hình ở con lai là:
A. Chỉ có 1 kiểu hình
A. Đồng tính trung gian
B. Có 2 kiểu hình
B. Đồng tính trội
C. Có 3 kiểu hình
C. 1 trội : 1 trung gian
D. 1 trội : 1 lặn
D. Có 4 kiểu hình

Câu 13. **Trong lai phân tích làm thế nào để biết cá thể mang tính trạng trội đem lai là đồng hợp hay dị hợp?**
A. Nếu thế hệ lai đồng tính chứng tỏ cá thể mang kiểu hình trội có kiểu gen đồng hợp
B. Nếu thế hệ lai phân tính chứng tỏ cá thể mang kiểu hình trội có kiểu gen đồng hợp
C. Nếu thế hệ lai phân tính chứng tỏ cá thể mang kiểu hình trội có kiểu gen dị hợp
D. Cả A và C đều đúng

Câu 14. **Khi cho cây cà chua quả đỏ thuần chủng lai phân tích thì thu được:**
A. Toàn quả đỏ
B. Toàn quả vàng
C. Tỉ lệ 1 quả đỏ: 1 quả vàng
D. Tỉ lệ 3 quả đỏ : 1 quả vàng

Câu 15. **Lấy cây cà chua quả đỏ thuần chủng lai phân tích thu được kết quả**
A. 112 cây quả đỏ : 125 cây quả vàng
B. 108 cây quả đỏ : 36 cây quả vàng
C. Toàn cây quả đỏ
D. Toàn cây quả vàng

Câu 16. **Phép lai nào sau đây cho kết quả ở con lai không đồng tính**
A. P: AA x aa
B. P: AA x AA
C. P: Aa x aa
D. P: aa x aa

Câu 17. **Ý nghĩa của phép lai phân tích:**
A. nhằm xác định kiểu hình của cá thể mang tính trạng trội.
B. nhằm xác định kiểu gen của cá thể mang tính trạng trội
C. nhằm xác định kết quả ở thế hệ con.
D. nhằm xác định tính trạng của cá thể mang tính trạng trội.

Câu 18. **Người ta sử dụng phép lai phân tích nhằm:**
A. Để phân biệt thể đồng hợp với thể dị hợp
B. Để nâng cao hiệu quả lai
C. Để tìm ra các cá thể đồng hợp trội
D. Để tìm ra các cá thể đồng hợp lặn

Câu 19. **Mục đích của phép lai phân tích nhằm xác định**
A. kiểu gen, kiểu hình của cá thể mang tính trạng trội.
B. kiểu hình của cá thể mang tính trạng trội.
C. kiểu gen của tất cả các tính trạng.
D. kiểu gen của cá thể mang tính trạng trội

Câu 20. **Để có thể xác định được cơ thể mang kiểu hình trội là đồng hợp hay dị hợp người ta dùng phương pháp:**
A. Phân tích cơ thể lai
B. Tạp giao
C. Lai phân tích
D. Lai thuận nghịch

Câu 21. **Muốn phát hiện một cặp alen nào đó ở trạng thái đồng hợp hay dị hợp người ta sử dụng phương pháp nào sau đây**
A. Lai xa kèm đa bội hoá
B. Quan sát NST dưới kính hiển vi điện tử
C. Lai phân tích
D. Lai thuận nghịch

Câu 22. **Lai phân tích nhằm mục đích:**
A. kiểm tra kiểu gen
B. kiểm tra kiểu hình của cá thể mang tính trạng trội.
C. xác định kiểu gen của cá thể mang tính trạng trội.
D. kiểm tra kiểu gen, kiểu hình của cá thể mang tính trạng trội.

Câu 23. **Để xác định độ thuần chủng của giống, cần thực hiện phép lai nào?**
A. Tự thụ phấn
B. Giao phấn.
C. Lai phân tích
D. Lai với cơ thể đồng hợp khác

Câu 24. **Đem lai phân tích các cá thể có kiểu hình trội ở F2trong phép lai của Menđen, ta sẽ thu được kết quả nào sau đây?**
A. 100% có kiểu gen giống nhau
B. 1/2 cá thể Fb có kiểu gen giống F1.
C. 2/3 cá thể Fb có kiểu gen giống F1
D. 1/3 cá thể Fb có kiểu gen giống F1

Câu 25. **Ở cà chua, tính trạng quả đỏ trội hoàn toàn so với tính trạng quả vàng. Cho cây cà chua quả đỏ thuần chủng lai phân tích thu được F1. Tiếp tục cho F1 tự thụ phấn thu được kết quả F2 là:**
A. 75% quả đỏ : 25% quả vàng
B. Toàn quả đỏ
C. 50% quả vàng : 50% quả đỏ
D. Toàn quả vàng

Câu 26. **Phép lai dưới đây được xem là phép lai phân tích hai cặp tính trạng là:**
A. P: AaBb x aabb

B. P: AaBb x AABB
C. P: AaBb x AAbb
D. P: AaBb x aaBB

Câu 27. **Một gen quy định một tính trạng, tính trạng là trội hoàn toàn, muốn nhận biết một cá thể là đồng hợp hay dị hợp về tính trạng đang xét, người ta có thể tiến hành các thí nghiệm nào dưới đây?1. Lai phân tích.2. Cho ngẫu phối các cá thể cùng lứa3. Tự thụ phấn.**
A. 1, 2.
B. 1, 3.
C. 2, 3.
D. 1, 2, 3.

Câu 28. **Để xác định được tương quan trội lặn người ta sử dụng:**
A. Phép lai phân tích
B. Phép lai hai bố mẹ thuần chủng
C. Phép lai thuận nghịch
D. Không sử dụng được phép lai nào ở trên

Câu 29. **Để biết tính trạng nào là trội, tính trạng nào là lặn, người ta thực hiện cách sau:**
A. Cho lai phân tích giữa cơ thể mang tính trạng này với cơ thể mang tính trạng kia
B. Cho lai giữa 2 cơ thể thuần chủng có tínhtrạng khác nhau, tính trạng nào xuất hiện ở F1 là tính trội
C. Cho các cây thuần chủng tự thụ và theo dõi qua nhiều thế hệ
D. Cách A, B đều đúng

Câu 30. **Ý nghĩa của tương quan trội lặn là:**
A.Tập trung nhiều gen quý vào 1 kiểu gen để tạo giống có giá trị cao
B.Xác định các tính trạng mong muốn
C.Phải kiểm tra độ thuần chủng của giốngnhằmtránh sự phân li tính trạng (ở F1) làm ảnh hưởng tới phẩm chất và năng suất vật nuôi, cây trồng.
D.Tất cả các ý trên

Câu 31. **Nếu tiếp tục lai phân tích cơ thể F1 (Aa - dài), kiểu hình thu được của đời sau là**
A.1 dài : 2 ngắn
B.1 dài : 1 ngắn
C.3 dài : 1 ngắn
D.1 dài : 3 ngắn

Câu 32. **Ở cà chua, tính trạng quả đỏ (A) trội hoàn toàn so với quả vàng (a). Khi lai phân tích thu được toàn quả đỏ. Cơ thể mang kiểu hình trội sẽ có kiểu gen:**
A.AA (quả đỏ)
B.Aa (quả đỏ)
C.aa (quả vàng)

D.Cả AA và Aa

Câu 33. **Trong phép lai phân tích một cặp tính trạng của Menden, nếu kết quả thu được là 1:1 thì cá thể ban đầu có kiểu gen như thế nào?**
A.Kiểu gen đồng hợp.
B.Kiểu gen dị hợp
C.Kiểu gen đồng hợp trội.
D. Kiểu gen dị hợp hai cặp gen

Câu 34. **Vì nguyên nhân nào sau đây phép lai phân tích cho phép xác định được kiểu gen của đối tượng đem lai**
A.Vì dựa vào tỉ lệ phân ly kiểu gen ở FB có thể biết được tỉ lệ giao tử của đối tượng nghiên cứu
B.Vì kết quả phân li kiểu hình ở FB hoàn toàn phụ thuộc vào tỷ lệ giao tử của đối tượng nghiên cứu
C.Vì phương pháp này đơn giản và ưu thế nhất
D.Vì phương pháp này thường xảy ra sự phân tính kiểu hình

Câu 35. **Ở hoa phấn kiểu gen đồng hợp DD quy định màu hoa đỏ, Dd quy định màu hoa hồng và dd quy định màu hoa trắng. Lai phân tích cây có màu hoa đỏ ở thế hệ sau sẽ xuất hiện tỉ lệ kiểu hình**
A.1 đỏ, 1 hồng
B.1 hồng, 1 trắng
C.Toàn đỏ
D.Toàn hồng

Câu 36. **Ở hoa phấn kiểu gen đồng hợp DD quy định màu hoa đỏ, Dd quy định màu hoa hồng và dd quy định màu hoa trắng. Tiến hành lai giữa 2 cây hoa màu hồng ở thế hệ sau sẽ xuất hiện tỉ lệ phân tính:**
A.Toàn hồng
B.Toàn đỏ
C.3 đỏ : 1 trắng
D.1 đỏ : 2 hồng : 1 trắng

Câu 37. **Ở hoa phấn kiểu gen đồng hợp DD quy định màu hoa đỏ, Dd quy định màu hoa hồng và dd quy định màu hoa trắng. Phép lai giữa cây hoa hồng với hoa trắng sẽ xuất hiện tỉ lệ kiểu hình:**
A.1 hồng : 1 trắng
B.1 đỏ : 1 trắng
C.1 đỏ : 1 hồng
D.1 đỏ : 2 hồng : 1 trắng

Câu 38. **Cơ thể có kiểu gen AaBbddEe qua giảm phân sẽ cho số loại giao tử là:**
A. 6

B. 8
C. 12
D. 16

Câu 39. **Cơ thể bố mẹ có kiểu gen AaBb, khi giảm phân (nếu có sự phân li tổ hợp tự do của các gen) thì cho ra mấy loại giao tử?**
A. 3 loại
B. 4 loại
C. 6 loại
D. 9 loại

Câu 40. **Cơ thể mẹ có kiểu gen AaBB, khi giảm phân (nếu có sự phân li tổ hợp tự do của các gen) thì cho ra mấy loại giao tử?**
A. 2 loại
B. 1 loại
C. 3 loại
D. 4 loại

Câu 41. **Trong quy luật di truyền phân ly độc lập với các gen trội là trội hoàn toàn. Nếu P thuần chủng khác nhau bởi n cặp tương phản thì: Tỷ lệ kiểu gen ở F2:**
A. (3:1)n
B. (1:2:1)2
C. 9:3:3:1
D. (1:2:1)n

Câu 42. **Trong quy luật di truyền phân ly độc lập với các gen trội là trội hoàn toàn. Nếu P thuần chủng khác nhau bởi n cặp tương phản thì: Số loại kiểu gen khác nhau ở F2 là:**
A. 3n
B. 2n
C. (1:2:1)n
D. (1:1)n

Câu 43. **Trong quy luật di truyền phân ly độc lập với các gen trội là trội hoàn toàn. Nếu P thuần chủng khác nhau bởi n cặp tương phản thì: Ở F2 số kiểu gen đồng hợp là:**
A. 4n
B. 4
C. (1:1)n
D. 2n

Câu 44. **Trong quy luật di truyền phân ly độc lập với các gen trội là trội hoàn toàn. Nếu P thuần chủng khác nhau bởi n cặp tương phản thì: Ở F2 số kiểu gen dị hợp là**
A. 4n
B. 1

C. 3n
D. 2n

Câu 45. **Trong quy luật di truyền phân ly độc lập với các gen trội là trội hoàn toàn. Nếu P thuần chủng khác nhau bởi n cặp tương phản thì: F1 sẽ dị hợp về bao nhiêu cặp gen?**
A. n
B. 2n
C. 2n
D. 3n

Câu 46. **Trong quy luật di truyền phân ly độc lập với các gen trội là trội hoàn toàn. Nếu P thuần chủng khác nhau bởi n cặp tương phản thì: F1 sẽ cho bao nhiêu loại giao tử?**
A. n
B. 2n
C. 2n
D. 3n

Câu 47. **Với 2 alen A và a nằm trên nhiễm sắc thể thường, gen trội là trội hoàn toàn. Trong quần thể sẽ có bao nhiêu kiểu gen khác nhau về các alen nói trên?**
A. 2 kiểu gen
B. 3 kiểu gen
C. 4 kiểu gen
D. 1 kiểu gen

Câu 48. **Xét 2 cặp alen A, a và B, b nằm trên 2 cặp nhiễm sắc thể thường đồng dạng khác nhau. Có thể có bao nhiêu kiểu gen khác nhau trong quần thể?**
A. 4
B. 9
C. 6
D. 1

Câu 49. **Xét 2 cặp alen A, a và B, b nằm trên 2 cặp nhiễm sắc thể thường đồng dạng khác nhau. Có thể có bao nhiêu kiểu gen dị hợp tử tất cả các cặp gen trong số cá kiểu gen nói trên?**
A. 1
B. 5
C. 4
D. 0

Câu 50. **Xét 2 cặp alen A, a và B, b nằm trên 2 cặp nhiễm sắc thể thường đồng dạng khác nhau. Có thể có bao nhiêu kiểu gen đồng hợp tử trong số các kiểu gen nói trên?**
A. 1
B. 5
C. 4

D. 0

Câu 51. **Một cơ thể thực vật dị hợp 2 cặp gen phân li độc lập tự thụ phấn. Tỷ lệ kiểu gen đồng hợp tử về 2 cặp gen trên ở đời lai là:**
A. 1/4
B. 3/8
C. 3/16
D. 1/8

Câu 52. **Trong quy luật di truyền phân ly độc lập với các gen trội là trội hoàn toàn. Nếu P thuần chủng khác nhau bởi n cặp tương phản thì: tỷ lệ kiểu hình ở F2 là:**
A. (3:1)n
B. 9:3:3:1
C. (1:2:1)n
D. (1:1)n

Câu 53. **Trong quy luật di truyền phân ly độc lập với các gen trội là trội hoàn toàn. Nếu P thuần chủng khác nhau bởi n cặp tương phản thì: Số loại kiểu hình ở F2 là:**
A. 9:3:3:1
B. 2n
C. 3n
D. (3:1)n

Câu 54. **Trong quy luật di truyền phân ly độc lập với các gen trội là trội hoàn toàn. Nếu P thuần chủng khác nhau bởi n cặp tương phản thì: Ở F2 số kiểu hình đồng hợp lặn là:**
A. 4
B. 2n
C. 3n
D. 1

Câu 55. **Trong di truyền phân li độc lập (trội hoàn toàn), nếu F1 có n cặp gen dị hợp thì tỷ lệ kiểu hình ở F2 là:**
A. 9 : 3 : 3 : 1
B. 3:1
C. 1 : 2 : 1
D. 1:1

Câu 56. **Ở cà chua tính trạng màu quả do 1 cặp gen quy định, tiến hành lai 2 thứ cà chua thuần chủng quả đỏ và quả vàng được F1 toàn quả đỏ sau đó cho F1 lai với nhau được F2: Giả sử tính trạng quả màu đỏ do 2 alen D, d chi phối. Khi lai F1 với 1 cây quả đỏ F2 sẽ được ở thế hệ sau theo tỉ lệ kiểu gen:**
A. 1DD : 1Dd
B. 1DD : 2Dd : 1dd

C. 1Dd : 1dd
D. A, B đúng

Câu 57. **Ở cà chua tính trạng màu quả do 1 cặp gen quy định, tiến hành lai 2 thứ cà chua thuần chủng quả đỏ và quả vàng được F1 toàn quả đỏ sau đó cho F1 lai với nhau được F2: Khi lai giữa F1 với 1 cây quả đỏ F2 ở thế hệ sau sẽ xuất hiện tỉ lệ phân tính:**
A. Toàn quả đỏ
B. 1 quả đỏ, 1 quả vàng
C. 3 quả đỏ, 1 quả vàng
D. C, D đúng

Câu 58. **Ở đậu Hà Lan gen A quy định hạt vàng, a quy định hạt lục, B: hạt trơn, b: hạt nhăn. Hai cặp gen này di truyền phân ly độc lập với nhau: Tiến hành lai giữa 2 cây đậu Hà Lan thuần chủng hạt vàng trơn và lục trơn được F1, cho F1 tự thụ, ở F2 sẽ xuất hiện tỉ lệ phân tính:**
A. 3 vàng trơn : 1 lục nhăn
B. 9 vàng trơn : 3 vàng nhăn : 3 lục trơn : 1 lục nhăn
C. 3 vàng nhăn : 3 lục trơn : 1 vàng trơn : 1 lục nhăn
D. 3 vàng trơn : 1 lục trơn

Câu 59. **Với 2 gen B và b, nằm trên NST thường, B quy định tính trạng hoa đỏ, b quy định thính trạng hoa vàng, gen trội là trội hoàn toàn. Tiến hành lai giữa cây hoa đỏ với cây hoa đỏ ở F1 được toàn cây hoa đỏ, sau đó cho các cây F1 tạp giao ở F2 thu được cả cây hoa đỏ lẫn cây hoa vàng. Tỉ lệ phân tính ở F2 là?**
A. 15 cây hoa đỏ : 1 cây hoa vàng
B. 9 cây hoa đỏ : 7 cây hoa vàng
C. 3 cây hoa đỏ : 1 cây hoa vàng
D. 1 cây hoa đỏ : 1 cây hoa vàng

Câu 60. **Với 2 gen alen A và a nằm trên nhiễm sắc thể thường, A quy định tính trạng hoa vàng, a quy định tính trạng hoa trắng, gen trội là trội hoàn toàn. Tiến hành lai giữa cây hoa vàng với cây hoa trắng ở F1 được toàn cây hoa vàng với cây hoa trắng, sau đó cho các cây F1 tạp giao ở F2 sẽ thu được tỉ lệ phân tính như thế nào?**
A. 15 cây hoa vàng : 1 cây hoa trắng
B. 9 cây hoa trắng : 7 cây hoa vàng
C. 3 cây hoa vàng : 1 cây hoa trắng
D. 1 cây hoa trắng : 1 cây hoa vàng

Câu 61. **Phép lai giữa 2 cá thể có kiểu gen AaBBDd x AaBbdd với các gen trội là trội hoàn toàn. Kiểu gen AABBDD ở F1 chiếm tỉ lệ:**
A. 1/4
B. 0
C. ½

D. 1/8

Câu 62. **Phép lai giữa 2 cá thể có kiểu gen AaBBDd x AaBbdd với các gen trội là trội hoàn toàn. Kiểu gen aaBBdd ở F1 chiếm tỉ lệ:**
A. ¼
B. 1/16
C. ½
D. 1/8

Câu 63. **Lai cặp bố mẹ thuần chủng, bố có kiểu hình hạt vàng trơn, mẹ có kiểu hình hạt lục nhăn, ở F1 được toàn kiểu hình hạt vàng trơn, sau đó cho F1 tự thụ. Giả sử mỗi tính trạng chỉ do 1 cặp gen quy định, các gen trội là trội hoàn toàn. Ở F2, kiểu gen AaBb chiếm tỉ lệ:**
A. ¼
B. 1/16
C. ½
D. 1/8

Câu 64. **Lai cặp bố mẹ thuần chủng, bố có kiểu hình hạt vàng trơn, mẹ có kiểu hình hạt lục nhăn, ở F1 được toàn kiểu hình hạt vàng trơn, sau đó cho F1 tự thụ. Giả sử mỗi tính trạng chỉ do 1 cặp gen quy định, các gen trội là trội hoàn toàn. Ở F2, kiểu gen Aabb chiếm tỉ lệ:**
A. 1/4
B. 1/16
C. 1/2
D. 1/8

Câu 65. **Lai cặp bố mẹ thuần chủng, bố có kiểu hình hạt vàng trơn, mẹ có kiểu hình hạt lục nhăn, ở F1 được toàn kiểu hình hạt vàng trơn, sau đó cho F1 tự thụ. Giả sử mỗi tính trạng chỉ do 1 cặp gen quy định, các gen trội là trội hoàn toàn. Ở F2, kiểu gen AABB chiếm tỉ lệ:**
A. ¼
B. 1/16
C. 1/2
D. 1/8

Câu 66. **Lai cặp bố mẹ thuần chủng, bố có kiểu hình hạt vàng trơn, mẹ có kiểu hình hạt lục nhăn, ở F1 được toàn kiểu hình hạt vàng trơn, sau đó cho F1 tự thụ. Giả sử mỗi tính trạng chỉ do 1 cặp gen quy định, các gen trội là trội hoàn toàn. Ở F2, kiểu hình vàng trơn chiếm tỉ lệ:**
A. 3/4
B. 9/16
C. ½
D. 1/8

Câu 67. **Ở chuột Côbay, tính trạng màu lông và chiều dài lông do 2 cặp gen A, a và B, b di truyền phân ly độc lập và tác động riêng rẽ quy định. Tiến hành lai giữa 2 dòng chuột lông đen, dài và lông trắng, ngắn ở thế hệ sau thu được toàn chuột lông đen, ngắn. Nếu cho các chuột lông đen, ngắn ở thế hệ lai giao phối với nhau thì khả năng thu được tỉ lệ chuột lông đen, dài ở thế hệ sau là bao nhiêu?**
A. 1/4
B. 1/8
C. 3/16
D. 3/4

Câu 68. **Phép lai giữa 2 cá thể có kiểu gen AaBbDd x aaBBDd với các gen trội là trội hoàn toàn sẽ cho ở thế hệ sau:**
A. 8 kiểu hình : 8 kiểu gen
B. 8 kiểu hình : 12 kiểu gen
C. 4 kiểu hình : 12 kiểu gen
D. 4 kiểu hình : 8 kiểu gen

Câu 69. **Phép lai giữa 2 cá thể có kiểu gen AaBBDd x AaBbdd với các gen trội là trội hoàn toàn. Số kiểu hình và kiểu gen ở thế hệ sau là bao nhiêu?**
A. 8 kiểu hình : 8 kiểu gen
B. 8 kiểu hình : 12 kiểu gen
C. 4 kiểu hình : 12 kiểu gen
D. 4 kiểu hình : 8 kiểu gen

Câu 70. **Cho phép lai P: AaBb x aabb. F1 sẽ thu được mấy loại kiểu hình? (Cho biết A trội so với a, B trội so với b).**
A. 1 loại kiểu hình
B. 2 loại kiểu hỉnh
C. 3 loại kiểu hỉnh
D. 4 loại kiểu hỉnh

Câu 71. **Phép lai dưới đây có khả năng tạo nhiều biến dị tổ hợp nhất là:**
A. AaBbDD x AaBbdd.
B. AaBbDd x Aabbdd.
C. AaBbDd x AaBbD
D. AabbDd x aaBbDd.

Câu 72. **Phép lai 1 cặp tính trạng dưới đây cho 4 tổ hợp ở con lai là**
A. TT x tt
B. Tt x tt
C. Tt x Tt
D. TT x Tt

Câu 73. **Phép lai dưới đây tạo ra con lai F1 có nhiều kiểu gen nhất là:**
A. P: aa x aa
B. P: Aa x aa
C. P: AA x Aa
D. P: Aa x Aa

Câu 74. **Ở đậu Hà Lan gen A quy định hạt vàng, a quy định hạt lục, B: hạt trơn, b: hạt nhăn. Hai cặp gen này di truyền phân ly độc lập với nhau: để thu được hạt vàng trơn phải thực hiện giao phấn giữa các cá thể bố mẹ có kiểu gen:**
A. AABB x aabb
B. aaBB x Aabb
C. AaBb x AABB
D. Tất cả đều đúng

Câu 75. **Ở đậu Hà Lan gen A quy định hạt vàng, a quy định hạt lục, B: hạt trơn, b: hạt nhăn. Hai cặp gen này di truyền phân ly độc lập với nhau: Những phép lai nào dưới đây sẽ không làm xuất hiện kiểu hình lục nhăn ở thế hệ sau:**
A. AaBb x AaBb
B. Aabb x aaBb
C. aabb x AaBB
D. AaBb x Aabb

Câu 76. **Ở lúa, gen T quy định thân cao, gen t quy định thân thấp, gen V quy định hạt tròn, gen v quy định hạt dài. Các gen này phân li độc lập. Đem lai lúa thân cao, hạt dài với lúa thân thấp, hạt tròn. F1 thu được toàn lúa thân cao, hạt tròn. Chọn kiểu gen của P phù hợp với phép lai trên:**
A. TTvv x ttVV
B. Ttvv x ttVV
C. TTVV x ttvv
D. TTVv x ttVv

Câu 77. **Ở đậu Hà Lan gen A quy định hạt vàng, a quy định hạt lục, B: hạt trơn, b: hạt nhăn. Hai cặp gen này di truyền phân ly độc lập với nhau: Lai phân tích 1 cây đậu Hà Lan mang kiểu hình trội, thế hệ sau được tỉ lệ 50% vàng trơn : 50% lục trơn. Cây đậu Hà Lan đó phải có kiểu gen:**
A. Aabb
B. AaBB
C. AABb
D. AaBb

Câu 78. **Ở chuột Côbay, tính trạng màu lông và chiều dài lông do 2 cặp gen A, a và B, b di truyền phân ly độc lập và tác động riêng rẽ quy định. Tiến hành lai giữa 2 dòng chuột lông đen, dài và lông trắng, ngắn ở thế hệ sau thu được toàn chuột lông đen, ngắn. Cho lai chuột**

đen, ngắn thế hệ lai với chuột có kiểu gen như thế nào để có ngay 50% chuột lông đen, ngắn; 50% lông trắng, ngắn?

A. Aabb

B. aaBB

C. aaBb

D. Aabb

Câu 79. **Ở cà chua, gen A - quị định quả đỏ; a - quả vàng; B - quả tròn; b - quả bầu dục. Khỉ cho lai hai giống cà chua quả đỏ, dạng bầu dục và quả vàng, dạng quả tròn với nhau thu được F1 đều cho cà chua quả đỏ, tròn. Cho F1 lai phân tích thu được 301 quả đỏ, tròn; 299 quả đỏ, bầu dục; 301 quả vàng, tròn; 303 quả vàng, bầu dục. Kiểu gen củaP phải như thế nào?**

A. P: AABB x aabb.

B. P: AAbb x aaBB

C. P: AaBB x AABb

D. P: Aabb x aaBB

Câu 80. **Ở bí: Gen A - quả tròn; a - quả dài; Gen B - hoa vàng; b - hoa trắng. Khi cho lai hai giống bí quả tròn, hoa trắng và quả dài, hoa vàng với nhau thu được F1 đều cho cà chua quả tròn, hoa vàng. Cho F1 lai phấn tích được 25% quả tròn, hoa vàng; 25% quả tròn, hoa trắng; 25% quả dài, hoa vàng; 25% quả dài, hoa trắng. Kiểu gen của p phải như thế nào?**

A. P: AABB X aabb.

B. P: AAbb X aaBB

C. P: AaBB X AABb

D. P: Aabb X aaBB

Câu 81. **Ở đậu Hà Lan gen A quy định hạt vàng, a quy định hạt lục, B: hạt trơn, b: hạt nhăn. Hai cặp gen này di truyền phân ly độc lập với nhau: Cây mọc từ hạt vàng, nhăn giao phối với cây mọc từ hạt lục, trơn cho hạt vàng, trơn và lục trơn với tỉ lệ 1:1, kiểu gen của 2 cây bố mẹ sẽ là:**

A. Aabb x aabb

B. AAbb x aaBB

C. Aabb x aaBb

D. Aabb x aaBB

Câu 82. **Phép lai nào cho tỉ lệ kiểu hình ở con lai là: 3 : 3 : 1 : 1**

A. AaBb x AaBB

B. AaBb x aaBb

C. AaBB x Aabb

D. Cả 3 phép nêu trên

Câu 83. **Ở chuột Côbay, tính trạng màu lông và chiều dài lông do 2 cặp gen A, a và B, b di truyền phân ly độc lập và tác động riêng rẽ quy định. Tiến hành lai giữa 2 dòng chuột lông**

đen, dài và lông trắng, ngắn ở thế hệ sau thu được toàn chuột lông đen, ngắn. Có thể kết luận điều gì về kiểu gen của 2 dòng chuột bố mẹ?
A. Chuột lông đen, dài có kiểu gen đồng hợp
B. Chuột lông trắng, ngắn có kiểu gen đồng hợp
C. Cả 2 chuột bố mẹ đều có kiểu gen đồng hợp
D. Cả 2 chuột bố mẹ đều có kiểu gen dị hợp

Câu 84. **Ở cà chua, gen A quy định quả đỏ, a quy định quả vàng; B quy định quả tròn, b quy định quả bầu dục. Khi cho lai hai giống cà chua quả đỏ, dạng bầu dục và quả vàng, dạng tròn với nhau được F1 đều cho cà chua quả đỏ, dạng tròn. F1 giao phấn với nhau được F2 có 901 cây quả đỏ, tròn; 299 cây quả đỏ, bầu dục; 301 cây quả vàng, tròn; 103 cây quả vàng, bầu dục. Hãy chọn kiểu gen của P phù hợp với phép lai trên trong các trường hợp sau:**
A. P : AABB x aabb
B. P : Aabb x aaBb
C. P : AaBB x AABb
D. P : AAbb x aaBB

Câu 85. **Trong trường hợp trội hoàn toàn, tỷ lệ phân li kiểu hình 1 : 1 : 1 : 1 xuất hiện ở phép lai nào sau đây? 1. BbDd x bbdd. 2. Bbdd x bbDd 3. BbDd x bbDd. 4. BbDD x bbDd. Phương án đúng là:**
A. 1,2
B. 2, 4
C. 1, 3, 4
D. 1, 2, 3, 4

Câu 86. **Phép lai nào cho tỉ lệ kiểu hình ở con lai F2 là 9 : 3 : 3 : 1?**
A. AaBb X aabb
B. AaBb X AABB
C. AaBb X AaBb
D. AAbb X aabb

Câu 87. **Ở lúa: Gen A: hạt gạo đục, a: hạt gạo trong; Gen B: hạt chín sớm, b: hạt chín muộn Hai cặp tính trạng nói trên di truyền không phụ thuộc vào nhau. Cho giao phấn giữa 2 cây lúa, thu được ở F1 có kết quả sau đây: 480 cây lúa có hạt gạo đục, chín sớm; 485 cây lúa có hạt gạo đục, chín muộn; 475 cây lúa có hạt gạo trong, chín sớm; 482 cây lúa có hạt gạo trong, chín muộn. Kiểu gen của P phải như thế nào?**
A. AaBb X AABB
B. AaBb X aabb
C. AaBb X AaBb
D. AABB X aabb

Câu 88. **Phép lai nào sau đây tạo ra được tỉ lệ kiểu hình là: 9 : 3 : 3 : 1**
A. DdBb X DdBb

B. Ddbb X ddBb
C. ddBB X DDBB
D. DDBb X DdBB

Câu 89. **Ở gà Gen A: chân cao, a: chân thấp; Gen B: lông đen, b: lông vàng Cho gà trống và gà mái giao phối với nhau thu được ở Fl có kết quả như sau: 75 gà chân cao, lông đen : 75 gà chân cao, lông vàng 25 gà chân thấp, lông đen : 25 gà chân thấp, lông vàng Biết dạng chân và màu sắc lông di truyền độc lập với nhau. Kiểu gen của P phải như thế nào?**
A. AABb X aabb
B. AABB X Aabb
C. AaBb X AaBb
D. AaBb X Aabb

Câu 90. **Ở một loài thực vật. Gen T - thân thấp; gen t: thân cao. Gen V: hoa vàng; gen v: hoa tím. Thực hiện phép lai P người ta thu được kết quả như sau: 90 cây có thân thấp, hoa vàng : 90 cây có thân thấp, hoa tím. 30 cây có thân cao, hoa vàng : 30 cây có thân cao, hoa tím. Hai cặp tính trạng trên di truyền độc lập. Kiểu gen của P sẽ là:**
A. p : TtVV X Ttvv (thân thấp, hoa vàng X thân thấp, hoa tím).
B. p : TtVv X Ttvv (thân thấp, hoa vàng X thân thấp, hoa tím)
D. p : TtVV X Ttvv (thân thấp, hoa vàng X thân thấp, hoa tím).

Câu 91. **Ở đậu Hà Lan gen A quy định hạt vàng, a quy định hạt lục, B: hạt trơn, b: hạt nhăn. Hai cặp gen này di truyền phân ly độc lập với nhau: Phép lai nào dưới đây sẽ cho số kiểu hình nhiều nhất:**
A. AaBb x aabb
B. AaBb x AaBb
C. Aabb x aaBb
D. Tất cả đều đúng

Câu 92. **Ở đậu Hà Lan gen A quy định hạt vàng, a quy định hạt lục, B: hạt trơn, b: hạt nhăn. Hai cặp gen này di truyền phân ly độc lập với nhau. Phép lai nàp dưới đây sẽ cho kiểu gen và kiểu hình ít nhất:**
A. AABB x AaBb
B. AABb x Aabb
C. Aabb x aaBb
D. AABB x AABb

Câu 93. **Với 2 alen A và a nằm trên nhiễm sắc thể thường, gen trội là trội hoàn toàn. Để cho thế hệ sau có hiện tượng đồng tính, thì sẽ có bao nhiêu phép lai giữa các kiểu gen nói trên?**
A. 4 phép lai
B. 3 phép lai
C. 2 phép lai
D. 1 phép lai

Câu 94. **Với 2 alen A và a nằm trên nhiễm sắc thể thường, gen trội là trội hoàn toàn. Nếu không phân biệt giới tính, trong quần thể sẽ có bao nhiêu kiểu giao phối khác nhau?**
A. 6 kiểu
B. 4 kiểu
C. 2 kiểu
D. 3 kiểu

Câu 95. **Với 2 alen A và a nằm trên nhiễm sắc thể thường, gen trội là trội hoàn toàn. Để cho thế hệ sau đồng loạt có kiêu hình trội, thì sẽ có bao nhiêu phép lai giữa các kiểu gen nói trên?**
A. 4 phép lai
B. 3 phép lai
C. 2 phép lai
D. 1 phép lai

Câu 96. **Với 2 alen A và a nằm trên nhiễm sắc thể thường, gen trội là trội hoàn toàn. Để cho thế hệ sau đồng loạt có kiểu hình lặn, thì sẽ có bao nhiêu phép lai giữa các kiểu gen nói trên?**
A. 4 phép lai
B. 3 phép lai
C. 2 phép lai
D. 1 phép lai

Câu 97. **Với 2 alen A và a nằm trên nhiễm sắc thể thường, gen trội là trội hoàn toàn. Để cho thế hệ sau có hiện tượng phân tính, thì sẽ có bao nhiêu phép lai giữa các kiểu gen nói trên?**
A. 4 phép lai
B. 3 phép lai
C. 2 phép lai
D. 1 phép lai

Câu 98. **B: Hoa kép; b: Hoa đơn. DD: Hoa đỏ; Dd: Hoa hồng; dd: Hoa trắng. Phép lai nào không xuất hiện hoa đơn, màu trắng ở thế hệ sau ?**
A. BbDd x Bbdd
B. BBDD x bbdd; BBDD x BBdd
C. Bbdd x bbdd
D. bbDd x Bbdd

Câu 99. **Người ở nhóm máu ABO do 3 gen alen IA,IB,IO quy định, nhóm máu A được quy định bởi các gen IAIA,IAIO , nhóm máu B được quy định bởi các kiểu gen IBIB,IBIO, nhóm máu O được quy định bởi các kiểu gen IOIO, nhóm máu AB được quy định bởi các kiểu gen IAIB. Hai chị em sinh đôi cùng trứng, người chị có chồng nhóm máu A sinh được một con trai có nhóm máu B và một con gái có nhóm máu A. Người em lấy chồng có nhóm máu B sinh được một con trai có nhóm máu A. Bố mẹ của hai chị em sinh đôi này sẽ có nhóm máu như thế nào?**
A. O và A

B. A và AB
C. A và O
D. Tất cả đều có thể xảy ra

Câu 100. **Ở người, A quy định mắt đen, a: mắt xanh, B: tóc quăn, b: tóc thẳng. Liên quan đến nhóm máu có 4 kiểu hình, trong đó nhóm máu A do gen IAIA quy định, nhóm máu B do gen IB quy định, nhóm O tương ứng với kiểu gen IOIO, nhóm máu AB tương ứng với kiểu gen IOIO. Biết rằng IA và IB là trội hoàn toàn so với IO , các cặp gen quy định các tính trạng trên nằm trên các cặp nhiễm sắc thể thường đồng dạng khác nhau. Với các tính trạng trên số loại kiểu hình khác nhau tối đa có thể có ở người là:**
A. 8
B. 16
C. 12
D. 24

Câu 101. **Ở người, A quy định mắt đen, a: mắt xanh, B: tóc quăn, b: tóc thẳng. Liên quan đến nhóm máu có 4 kiểu hình, trong đó nhóm máu A do gen IAIA quy định, nhóm máu B do gen IB quy định, nhóm O tương ứng với kiểu gen IOIO, nhóm máu AB tương ứng với kiểu gen IOIO. Biết rằng IA và IB là trội hoàn toàn so với IO , các cặp gen quy định các tính trạng trên nằm trên các cặp nhiễm sắc thể thường đồng dạng khác nhau. Số loại kiểu gen khác nhau có thể có về các tính trạng nói trên**
A. 32
B. 54
C. 16
D. 24

Câu 102. **Ở một loài thực vật, gen A qui định hoa đỏ trội hoàn toàn so yới gen a qui định hoa trắng. Gen B qui định khả năng tổng hợp được diệp lục trội hoàn toàn so với gen b qui định cây không có khả năng này, cây có kiểu gen đồng lợp lặn bb bị chêt ở giai đoạn mầm. Hai cặp gen này nằm trên 2 cặp NST tương đồng khác nhau. Cho cơ thể dị hợp 2 cặp gen trên tự thụ. Tỷ lệ kiểu hình ở đời con lai là:**
A. 1 đỏ : 1 trắng
B. 2 đỏ : 1 trắng
C. 3 đỏ : 1 trắng
D. 100% hoa đỏ

ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM SINH 9 BÀI 7 : BÀI TẬP CHƯƠNG I

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
Câu 1	D	Câu 52	A
Câu 2	D	Câu 53	B
Câu 3	C	Câu 54	D
Câu 4	B	Câu 55	A
Câu 5	D	Câu 56	D
Câu 6	C	Câu 57	D
Câu 7	A	Câu 58	D
Câu 8	A	Câu 59	A
Câu 9	B	Câu 60	B
Câu 10	B	Câu 61	B
Câu 11	D	Câu 62	B
Câu 12	A, D	Câu 63	A
Câu 13	D	Câu 64	D
Câu 14	A	Câu 65	B
Câu 15	C	Câu 66	B
Câu 16	C	Câu 67	C
Câu 17	B	Câu 68	C
Câu 18	C	Câu 69	C
Câu 19	D	Câu 70	D
Câu 20	C	Câu 71	C
Câu 21	C	Câu 72	C
Câu 22	C	Câu 73	D
Câu 23	C	Câu 74	D
Câu 24	C	Câu 75	C
Câu 25	A	Câu 76	A

Câu 26	A	Câu 77	B
Câu 27	B	Câu 78	B
Câu 28	A	Câu 79	B
Câu 29	B	Câu 80	B
Câu 30	D	Câu 81	D
Câu 31	B	Câu 82	A
Câu 32	A	Câu 83	C
Câu 33	B	Câu 84	D
Câu 34	B	Câu 85	A
Câu 35	D	Câu 86	C
Câu 36	D	Câu 87	B
Câu 37	A	Câu 88	A
Câu 38	B	Câu 89	D
Câu 39	B	Câu 90	B
Câu 40	A	Câu 91	D
Câu 41	D	Câu 92	D
Câu 42	A	Câu 93	A
Câu 43	D	Câu 94	A
Câu 44	B	Câu 95	B
Câu 45	A	Câu 96	D
Câu 46	B	Câu 97	C
Câu 47	B	Câu 98	B
Câu 48	B	Câu 99	A
Câu 49	A	Câu 100	B
Câu 50	C	Câu 101	B
Câu 51	A	Câu 102	C